



**PHIẾU AN TOÀN DỮ LIỆU  
KORROBOND 65 COMPONENT A**

**PHẦN 1: Nhận dạng chất/ hỗn hợp chất và công ty/doanh nghiệp**

**Nhận dạng sản phẩm**

**Tên sản phẩm** KORROBOND 65 COMPONENT A

**Mục đích sử dụng của chất hoặc hỗn hợp có liên quan được xác định và mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên**

**Mục đích sử dụng đã được xác định** Crusher Backing Compound

**Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu**

**Nhà cung cấp**

ITW Performance Polymers  
Bay 150  
Shannon Industrial Estate  
Co. Clare  
Ireland  
V14 DF82  
353(61)771500  
353(61)471285  
mail@itwpp.com

**Số điện thoại khẩn cấp**

**Số điện thoại khẩn cấp** +44(0)1235 239 670 (24h)

**PHẦN 2: Nhận dạng nguy hại**

**Phân loại chất hoặc hỗn hợp**

**Nguy hại vật chất** Không xếp loại

**Nguy hại về sức khỏe** Kích ứng da loại 2 - H315 Kích ứng mắt loại 2 - H319 Mẫn cảm da loại 1 - H317

**Nguy hại về môi trường** Mãn tính thủy sinh loại 3 - H412

**Thành phần nhân**

**Hình đồ**



**Từ cảnh báo**

Cảnh báo

**Câu cảnh báo nguy cơ**

H315 Gây kích ứng da.  
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.  
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.  
H412 Gây hại cho đời sống thủy sinh với tác ảnh hưởng lâu dài.

## KORROBOND 65 COMPONENT A

<b>Câu phòng ngừa</b>	P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ. P302+P352 <b>NẾU DÍNH VÀO DA:</b> Rửa sạch với nhiều nước. P305+P351+P338 <b>NẾU DÍNH VÀO MẮT:</b> Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. P333+P313 Nếu thấy da bị kích ứng hoặc mẩn: Tìm hỗ trợ y tế/ tìm sự trợ giúp. P501 Thải bỏ hóa chất/ bình chứa theo quy định quốc gia.
<b>Thông tin nhân bổ sung</b>	EUH205 Chứa thành phần epoxy. Có thể gây ra phản ứng dị ứng.
<b>Bao gồm</b>	EPOXY RESIN (Number average MW <= 700 ), BUTANEDIOLDIGLYCIDYL ETHER

### PHẦN 3: Thành phần/thông tin về thành phần

#### Hỗn hợp

<b>EPOXY RESIN (Number average MW &lt;= 700 )</b>	<b>10-30%</b>
Số CAS: 25068-38-6	

#### Phân loại

Kích ứng da loại 2 - H315  
Kích ứng mắt loại 2A - H319  
Mẩn cảm da loại 1 - H317  
Mẩn tính thủy sinh loại 2 - H411

#### BUTANEDIOLDIGLYCIDYL ETHER

**1-5%**

Số CAS: 2425-79-8

#### Phân loại

Độc tính cấp tính loại 4 - H312  
Độc tính cấp tính loại 4 - H332  
Kích ứng da loại 2 - H315  
Kích ứng mắt loại 2A - H319  
Mẩn cảm da loại 1 - H317

#### BENZYL ALCOHOL

**1-5%**

Số CAS: 100-51-6

#### Phân loại

Độc tính cấp tính loại 4 - H302  
Độc tính cấp tính loại 4 - H332

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

### PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu

#### Mô tả các biện pháp sơ cứu

<b>Thông tin chung</b>	Tránh tiếp xúc với da và mắt. Trong trường hợp tai nạn hoặc cảm thấy không khỏe, tìm tư vấn y tế ngay lập tức (cung cấp nhãn này nếu có thể).
<b>Sự hít phải</b>	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Khi thấy khó thở, người đã qua đào tạo bài bản có thể hỗ trợ người bị ảnh hưởng điều chỉnh oxy. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.

## KORROBOND 65 COMPONENT A

<b>Sự ăn phải</b>	Rửa sạch miệng với nước. Không cố nôn ra. Không bao giờ được cho bất kỳ thứ gì qua đường miệng cho một người đang bất tỉnh. Không cố nôn ra. Nếu bị nôn mửa, đầu phải được giữ thấp để chất nôn không chảy vào phổi. Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Đưa người bị ảnh hưởng ra khỏi nguồn gây nhiễm. Rửa sạch da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.

### Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

<b>Thông tin chung</b>	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
------------------------	--

### Chỉ định chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

<b>Ghi chú cho bác sĩ</b>	Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.
---------------------------	---

### **PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn**

#### Cách chữa cháy

<b>Cách chữa cháy phù hợp</b>	Dập lửa với bọt, cacbon dioxit hoặc bột khô.
-------------------------------	--

#### Những nguy hại đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

<b>Những nguy hại cụ thể</b>	Khí hoặc hơi gây kích ứng.
------------------------------	----------------------------

#### Lời khuyên cho nhân viên cứu hỏa

<b>Những hành động bảo hộ trong khi chữa cháy</b>	Tránh hít khí hoặc hơi cháy. Keep up-wind to avoid fumes. Không sử dụng bình xịt nước để dập lửa, vì việc này sẽ làm lan rộng đám cháy. Kiểm soát nước chảy bằng cách chứa và giữ không để chảy vào hệ thống cống rãnh và kênh rạch.
---	--

<b>Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa</b>	Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.
--	--

### **PHẦN 6: Biện pháp xử lý tai nạn**

#### Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

<b>Những cảnh báo cho cá nhân</b>	Warn everybody of potential hazards and evacuate if necessary. Cung cấp hệ thống thông gió tốt. Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này. Tránh tiếp xúc với da và mắt.
-----------------------------------	---

#### Các cảnh báo về môi trường

<b>Những cảnh báo về môi trường</b>	Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch. Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.
-------------------------------------	--

#### Các phương pháp và chất liệu để ngăn chặn và làm sạch

<b>Các phương pháp lau dọn</b>	Hấp thụ chất tràn đổ với chất liệu hấp thụ không dễ cháy. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.
--------------------------------	---

#### Tham khảo cho các phần khác

<b>Tham khảo cho các phần khác</b>	Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.
------------------------------------	---

### **PHẦN 7: Xử lý và lưu giữ**

#### Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

## KORROBOND 65 COMPONENT A

### Những lưu ý khi sử dụng

Chỉ sử dụng trong khu vực thông gió tốt. Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Open drum carefully as content may be under pressure. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Không sử dụng trong không gian kín mà không có hệ thống thông gió tốt và/hoặc mặt nạ phòng độc. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt.

### Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

#### Những cảnh báo về lưu giữ hóa chất

Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

### Mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng

(Những) mục đích sử dụng cụ thể cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

## PHẦN 8: Quản lý Phơi nhiễm/ bảo hộ cá nhân

### Quản lý phơi nhiễm

#### Thiết bị bảo hộ



#### Kiểm soát kỹ thuật phù hợp

Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực.

#### Bảo hộ mắt/mặt

Phải đeo kính theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro chỉ ra việc tiếp xúc với mắt có thể xảy ra. Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe.

#### Bảo hộ tay

Đeo găng tay bảo hộ làm từ chất liệu sau: Rubber or plastic. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ.

#### Bảo hộ khác cho da và cơ thể

Đeo tạp dề hoặc quần áo bảo hộ trong trường hợp tiếp xúc.

#### Các biện pháp về vệ sinh

Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product. Thay quần áo làm việc hằng ngày trước khi rời nơi làm việc.

#### Bảo hộ cho hô hấp

Nếu hệ thống thông gió kém, phải đeo thiết bị bảo vệ hô hấp phù hợp. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

## PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

### Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

#### Hình dáng bên ngoài

Chất lỏng nhớt.

#### Màu sắc

Nhạt (hoặc phớt). Xám.

#### Điểm nóng chảy

n/d°C

#### Điểm sôi ban đầu và phạm vi sôi

>200°C @

#### Điểm chớp cháy

> 200°C

#### Áp suất hơi

<0.01 mmHg @ °C

## KORROBOND 65 COMPONENT A

<b>Tỷ trọng tương đối</b>	1.81 @ 20 °C
<b>Tính tan</b>	Không tan trong nước.
<b>Nhiệt độ tự bốc cháy</b>	>400°C
<b>Thông tin khác</b>	Không có.

### PHẦN 10: Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

<b>Khả năng hoạt động của chất</b>	Axit. Chất oxy hóa mạnh.
<b>Mức độ ổn định của chất</b>	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
<b>Khả năng gây ra phản ứng nguy hại</b>	Không xác định.
<b>Các tình trạng cần tránh</b>	Tránh nhiệt, ngọn lửa và các nguồn phát lửa khác. Tránh nhiệt độ quá cao trong khoảng thời gian kéo dài. Tránh tiếp xúc với nhiệt độ cao hoặc ánh nắng trực tiếp.
<b>Các vật liệu cần tránh</b>	Tránh tiếp xúc với các chất liệu sau: Axit. Chất oxy hóa.
<b>Các sản phẩm cháy nguy hại</b>	Oxit của cacbon. Thermal decomposition or combustion may liberate carbon oxides and other toxic gases or vapours. Vapours/gases/fumes of: Axit - hữu cơ. Andehyt.

### PHẦN 11: Thông tin về độc tính

#### Thông tin về tác động của độc tính

#### Độc tính cấp tính- qua đường miệng

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 13.368,98

#### Độc tính cấp tính- qua da

Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg) 19.153,29

#### Độc tính cấp tính- qua hô hấp

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (khí ppmV) 47.452,65

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (hơi mg/l) 116,0

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường hô hấp (bụi/sương mg/l) 15,82

<b>Thông tin chung</b>	Sản phẩm chứa nhựa epoxy. Có thể gây mẫn cảm hoặc phản ứng dị ứng ở những người mẫn cảm.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Gây kích ứng da. Tiếp xúc kéo dài và thường xuyên có thể gây mẫn đỏ và kích ứng. Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Gây kích ứng cho mắt. Một lần phơi nhiễm đơn có thể gây ra các tác hại sau: Hủy hoại giác mạc.
<b>Nguy hại sức khỏe cấp tính và mãn tính</b>	Phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại có thể gây kích ứng trầm trọng.

## KORROBOND 65 COMPONENT A

**Đường vào cơ thể**                      Qua đường thở Ingestion. Hấp thu vào da

### PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

**Độc tính môi sinh**                      Avoid release to the environment. Sản phẩm này chứa một chất có hại đối với sinh vật thủy sinh và do đó có thể gây ra tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh.

**Độc tính**                                      Không được cho là gây độc cho cá.

#### Độ bền vững và độ phân hủy

**Độ bền và độ phân hủy**                      Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.

#### Tiềm năng tích tụ sinh học

**Khả năng tích lũy sinh học**                      Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.

#### Tính di động trong đất

**Tính di động**                                      Không xả thải vào ống thoát nước hoặc hệ thống nước hoặc trên mặt đất.

#### Các tác động có hại khác

**Các tác động có hại khác**                      Không có.

### PHẦN 13: Cân nhắc trong việc thải bỏ

#### Các biện pháp xử lý chất thải

**Thông tin chung**                                      Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.

**Các phương pháp thải bỏ**                                      Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

**Nhóm chất thải**                                      08 04 09\*

### PHẦN 14: Thông tin trong việc vận chuyển

**Chung**    Các quy định quốc tế về việc vận chuyển hàng nguy hiểm không bao gồm sản phẩm này (IMDG, IATA, đường bộ/đường sắt).

#### SỐ UN

#### Tên vận chuyển chuẩn UN

Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

#### Vận chuyển các nhóm chất nguy hại

##### Nhãn vận chuyển

Không có dấu hiệu cảnh báo vận chuyển nào được yêu cầu.

##### Nhóm đóng gói

Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

#### Các nguy hại về môi trường

**Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh**

Không.

#### Những lưu ý đặc biệt cho người sử dụng

Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

## KORROBOND 65 COMPONENT A

**Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và mã IBC** Không yêu cầu dữ liệu thông tin.

### PHẦN 15: Thông tin luật định

### PHẦN 16: Thông tin khác

**Ngày sửa đổi** 05/04/2018

**Sửa đổi** 27

**Ngày thay thế** 11/08/2017

**Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ** H302 Gây hại nếu nuốt phải.  
H312 Gây hại nếu tiếp xúc với da.  
H315 Gây kích ứng da.  
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng với da.  
H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.  
H332 Gây hại nếu hít phải.  
H411 Độc hại cho đời sống thủy sinh với ảnh hưởng lâu dài.  
H412 Gây hại cho đời sống thủy sinh với tác ảnh hưởng lâu dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.